

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **43** /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày **26** tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ Về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018);

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Căn cứ Nghị Quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.



Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác chưa được quy định trong Quyết định này, thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Quy trình xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương

1. Kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương

- Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương.

- Sở Công Thương tổ chức triển khai kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương sau khi được phê duyệt.

2. Đăng ký, phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hàng năm

a) UBND xã, phường đăng ký nhiệm vụ, đề án khuyến công địa phương (năm sau) về Sở Công Thương.

b) Đơn vị thực hiện tổng hợp nhiệm vụ, đề án khuyến công do cấp xã, phường đề xuất và bổ sung nhiệm vụ, đề án khuyến công do Đơn vị thực hiện đề xuất; đồng thời khảo sát, lập đề án và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí khuyến công địa phương, trình Sở Công Thương theo đề xuất của UBND xã, phường.

c) Sở Công Thương hoàn chỉnh kế hoạch kinh phí khuyến công cấp tỉnh, gửi lấy ý kiến Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan, để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Sau khi kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương được phê duyệt, Sở Tài chính tổng hợp phần kinh phí khuyến công vào dự toán ngân sách hàng năm (năm sau) của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương

1. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương

a) Các nhiệm vụ, đề án thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.

b) Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn. Phương thức xét chọn các đề án khuyến công: Ưu tiên các đề án khuyến công điểm (là đề án khuyến công địa phương được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm); đề án có ngành nghề, địa bàn ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP Về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp các đề án khuyến công có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau, ưu tiên xét chọn các đề án khuyến công của đơn vị có kinh nghiệm, năng lực tổ chức thực hiện tốt hơn.

2. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt thực hiện đề án khuyến công địa phương

a) Nguyên tắc lập đề án khuyến công địa phương

- Phù hợp chủ trương, chính sách chung về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

- Phù hợp nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC.

b) Đề án khuyến công địa phương gồm các nội dung cơ bản sau: Tên đơn vị thực hiện, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện; Sự cần thiết và căn cứ lập đề án; Thời gian thực hiện đề án; Mục tiêu; Quy mô đề án; Nội dung và tiến độ; Dự toán kinh phí; Tổ chức thực hiện; Hiệu quả của đề án...

c) Hồ sơ đăng ký hỗ trợ kinh phí đề án khuyến công địa phương (Sở Công Thương hướng dẫn các đối tượng theo khoản 2 Điều 1 quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật).

d) Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt đề án khuyến công địa phương, phê duyệt đề án khuyến công địa phương.

- Đơn vị thực hiện thẩm tra hồ sơ các đề án do UBND xã, phường đề xuất và trình Sở Công Thương thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Sở Công Thương tổ chức thẩm định (qua phòng chuyên môn hoặc Hội đồng thẩm định).

Hồ sơ đề án khuyến công địa phương trình Sở Công Thương thẩm định gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, đề án (kèm phiếu khảo sát tính khả thi) và hồ sơ của tổ chức/cá nhân thụ hưởng xin đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương và các tài liệu có liên quan.

đ) Triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương phối hợp UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện. Đơn vị thực hiện chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, báo cáo kết quả hàng tháng cho Sở Công Thương để tổng hợp và theo dõi.

e) Nghiệm thu đề án khuyến công địa phương

- Nội dung: Kiểm tra đánh giá thực tế mức độ hoàn thành các nội dung đề án theo hợp đồng thực hiện đề án.

- Thành phần nghiệm thu gồm: Đơn vị thực hiện, phòng chuyên môn Sở Công Thương, đại diện UBND xã, phường nơi triển khai đề án và đơn vị thụ hưởng.

f) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch khuyến công, ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương.

- Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, các tổ chức, cá nhân thụ hưởng phải có văn bản gửi Sở Công Thương và UBND các xã, phường (Trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án)

- Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: Tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ khuyến công; thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo; bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án để điều chỉnh kinh phí hỗ trợ giữa các đơn vị thực hiện trong năm ngân sách;

- Sở Công Thương phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện đề án; các điều chỉnh không làm thay đổi tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ thực hiện đề án.

3. Tạm ứng, thanh quyết toán đề án khuyến công địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra các hoạt động khuyến công, đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích.

b) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để thu hút nguồn vốn đầu tư và nguồn lực phục vụ hoạt động khuyến công.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các đề án khuyến công địa phương.

d) Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; Theo dõi, giám sát, chương trình, đề án khuyến công hàng năm; Cập nhật, hướng dẫn và điều chỉnh, bổ sung tiêu chí theo dõi và giám sát chương trình, đề án khuyến công, biểu mẫu phù hợp tình hình thực tế từng năm.

đ) Đề nghị khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khuyến công địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm soát việc thực hiện, quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

b) Thẩm định, tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến công địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.



c) Kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công đúng theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp Sở Công Thương xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn trên địa bàn tỉnh, kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương hàng năm.

b) Đề xuất đề án khuyến công trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Công Thương.

c) Phối hợp Sở Công Thương và sở, ban, ngành tỉnh liên quan giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn.

d) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm, định kỳ gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo theo quy định.

4. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện đề án

a) Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công địa phương.

b) Tổ chức thực hiện đề án khuyến công địa phương theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành.

Thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo Quy định này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

d) Trách nhiệm tổng hợp báo cáo

- Các đơn vị thực hiện đề án hàng quý lập báo cáo tiến độ, khối lượng thực hiện các đề án gửi Sở Công Thương trước ngày 25 của tháng cuối quý.

- Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

- Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công địa phương.

e) Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công địa phương theo quy định.

5. Đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công (theo khoản 2, điều 1 Quyết định này)

a) Có trách nhiệm chủ động liên hệ với các (phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; phòng chuyên môn của Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Công Thương) để được tư vấn, hướng dẫn xây dựng hoàn thiện đề án đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện đề án theo nội dung được phê duyệt, hợp đồng ký kết; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả.

c) Phối hợp các đơn vị liên quan để nghiệm thu đề án khuyến công hoàn thành, thanh toán kinh phí theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị hoặc các nội dung khác được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công theo quy định để phục vụ công tác hậu kiểm; có trách nhiệm lập báo cáo hoặc cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến đề án sau khi được hỗ trợ và đi vào hoạt động.

đ) Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin, tài liệu, báo cáo và các văn bản có liên quan khác đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án; chấp hành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành quy định xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án, định mức chi và quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

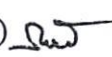
b) Quyết định số 37/2024/QĐ- UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hà Giang về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo

Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án; định mức chi và quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 87, 89 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 5;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư Pháp;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN. (Cường) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Huy Ngọc